

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

(Đề thi gồm có 04 trang)

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh.....
Số báo danh.....

Mã đề thi 023

(Lưu ý: Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam trong phòng thi)

Câu 41. Ngập lụt ở Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long nước ta gây hậu quả nghiêm trọng cho sản xuất vụ lúa

- A. mùa. B. xuân hè. C. đông xuân. D. hè thu.

Câu 42. Đi từ đông sang tây, các dạng địa hình của vùng Bắc Trung Bộ nước ta lần lượt là

- A. đồng bằng, đầm phá, đồi trước núi, núi cao. B. bờ biển, đồng bằng, núi, cao nguyên.
C. bờ biển, đầm phá, đồng bằng, núi cao. D. bờ biển, đồng bằng, đồi trước núi, núi cao.

Câu 43. Ở khu vực Nam Bộ nước ta, những ngành công nghiệp tương đối non trẻ nhưng phát triển mạnh là

- A. cơ khí, điện tử, hóa chất. B. dầu khí, điện tử, luyện kim màu.
C. cơ khí, dầu khí, hóa chất. D. dầu khí, sản xuất điện - đạm từ khí.

Câu 44. Nền nông nghiệp cổ truyền nước ta còn phổ biến ở những vùng

- A. dân cư tập trung đông đúc. B. có nhiều khó khăn cho sản xuất.
C. hạn hán vào mùa khô. D. gần thị trường tiêu thụ nông sản.

Câu 45. Hạn chế lớn nhất đối với việc sản xuất công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng nước ta là

- A. cơ sở hạ tầng thiếu đồng bộ. B. chuyên dịch cơ cấu kinh tế chậm.
C. thiếu nguyên liệu tại chỗ. D. lao động kỹ thuật hạn chế.

Câu 46. Biểu hiện của sự suy thoái tài nguyên đất ở vùng đồng bằng nước ta là

- A. đất bị ô nhiễm, canh tác quá mức. B. đất trồng đồi núi trọc gia tăng.
C. đất bị xói mòn, rửa trôi, xâm thực. D. đất bạc màu trơ sỏi đá.

Câu 47. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây có tỷ trọng ngành nông, lâm, thủy sản nhỏ nhất?

- A. Hải Phòng. B. Bà Rịa - Vũng Tàu. C. Cần Thơ. D. Đà Nẵng.

Câu 48. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhà máy thủy điện nào sau đây có công suất trên 1000 MW?

- A. Hòa Bình. B. Yaly. C. Trị An. D. Thác Bà.

Câu 49. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào sau đây có quy mô dân số lớn nhất vùng Tây Nguyên?

- A. Pleiku. B. Kon Tum. C. Buôn Ma Thuột. D. Đà Lạt.

Câu 50. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết trung tâm du lịch Đà Nẵng có các tài nguyên du lịch nào sau đây?

- A. Di sản văn hóa thế giới, du lịch biển, di tích lịch sử cách mạng, thắng cảnh.
B. Thắng cảnh, di tích lịch sử cách mạng, làng nghề cổ truyền, di sản thiên nhiên thế giới.
C. Làng nghề cổ truyền, thắng cảnh, di tích lịch sử cách mạng, du lịch biển.
D. Thắng cảnh, di tích lịch sử cách mạng, làng nghề cổ truyền, lễ hội truyền thống.

Câu 51. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết những trạm khí hậu nào sau đây có chế độ mưa về thu đông?

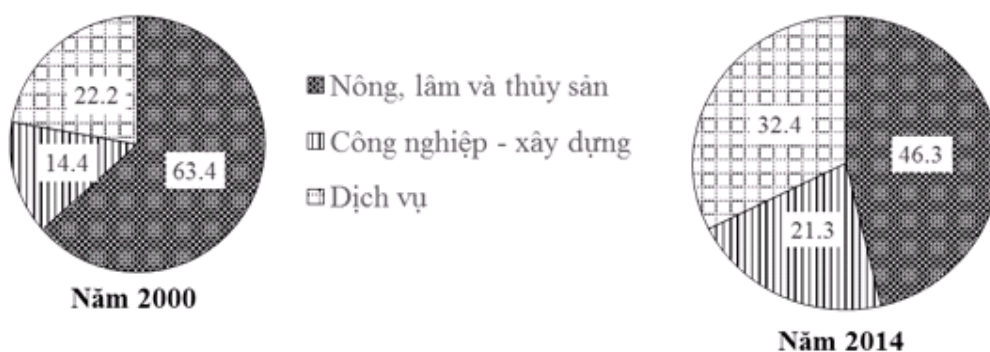
- A. TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Cà Mau. B. Lạng Sơn, Hà Nội, Thanh Hóa.
C. Sa Pa, Điện Biên Phủ, Đà Lạt. D. Đồng Hới, Đà Nẵng, Nha Trang.

Câu 52. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết tuyến đường biển ven bờ nào sau đây dài nhất?

- A. Hải Phòng - TP. Hồ chí Minh. B. Đà Nẵng - Quy Nhơn.
C. Hải Phòng - Đà Nẵng. D. Quy Nhơn - Phan Thiết.

- Câu 53.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết mỏ sắt Thạch Khê thuộc tỉnh nào sau đây?
A. Hà Tĩnh. **B.** Hà Giang. **C.** Yên Bái. **D.** Thái Nguyên.
- Câu 54.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết đảo Côn Cỏ thuộc tỉnh/thành nào sau đây?
A. Hải Phòng. **B.** Quảng Trị. **C.** Quảng Bình. **D.** Thanh Hóa.
- Câu 55.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, cho biết động vật đặc trưng nào sau đây thuộc vườn quốc gia Côn Đảo?
A. Voi, Bò tót, Khỉ. **B.** Sao la, Gấu, Vượn.
C. Bò biển, Rùa, Đồi mồi, Sóc đen. **D.** Tê giác, cá Sấu, Hươu.
- Câu 56.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, cho biết vùng kinh tế nào sau đây có hoạt động thương mại phát triển nhất?
A. Đông Nam Bộ. **B.** Đồng bằng sông Hồng.
C. Đồng bằng sông Cửu Long. **D.** Duyên hải Nam Trung Bộ.
- Câu 57.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết lát cắt địa hình C - D đi qua các đỉnh núi nào sau đây?
A. Pu Si Lung, Pu Trà, Pha Luông. **B.** Kiều Liêu Ti, Tam Đảo, Yên Tử.
C. Pu Tha Ca, Phia Ya, Phia Booc. **D.** Phan Xi Păng, Phu Luông, Phu Pha Phong.
- Câu 58.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hệ thống sông nào sau đây có tỉ lệ diện tích lưu vực lớn nhất?
A. Sông Thái Bình. **B.** Sông Đồng Nai. **C.** Sông Hồng. **D.** Sông Ba (Đà Rằng).
- Câu 59.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn nhất vùng Đồng bằng sông Cửu Long?
A. Cà Mau. **B.** Trà Vinh. **C.** Bến Tre. **D.** Long An.
- Câu 60.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp Phúc Yên **không** có ngành công nghiệp nào sau đây?
A. Cơ khí. **B.** Dệt may. **C.** Vật liệu xây dựng. **D.** Hóa chất.
- Câu 61.** Sản xuất nông nghiệp ở vùng Đông Nam Bộ nước ta **không** có thể mạnh về
A. trồng cây lương thực. **B.** trồng cây công nghiệp lâu năm.
C. trồng cây công nghiệp hàng năm. **D.** đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.
- Câu 62.** Trong những năm gần đây, lớp phủ rừng ở Tây Nguyên nước ta giảm sút nhanh chóng chủ yếu do
A. đẩy nhanh quá trình đô thị hóa. **B.** nạn phá rừng gia tăng, cháy rừng.
C. xây dựng các nhà máy thủy điện. **D.** mở rộng diện tích trồng cây công nghiệp.
- Câu 63.** Cho biểu đồ:

**QUY MÔ VÀ CƠ CẤU LAO ĐỘNG PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ CỦA NƯỚC TA
NĂM 2000 VÀ 2014**



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB thống kê 2016)

Theo biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về quy mô và cơ cấu lao động phân theo khu vực kinh tế của nước ta năm 2000 và 2014?

- A.** Tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản giảm nhanh.
B. Tỷ trọng lao động trong ngành công nghiệp - xây dựng giảm 6,9%.
C. Tỷ trọng ngành dịch vụ có xu hướng tăng khá nhanh.
D. Tỷ trọng lao động trong ngành nông - lâm - thủy sản lớn nhất.

Câu 64. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về thực trạng phát triển nghề cá của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ nước ta?

- A. Thủy sản góp phần giải quyết vấn đề thực phẩm.
- B. Nuôi tôm hùm, tôm sú phát triển ở nhiều tỉnh.
- C. Hoạt động chế biến thủy sản đa dạng.
- D. Bờ biển có nhiều vịnh, đầm phá.

Câu 65. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về ý nghĩa của mạng lưới sông ngòi, kênh rạch dày đặc ở Đồng bằng sông Cửu Long nước ta?

- A. Phát triển giao thông đường sông.
- B. Mang phù sa bồi đắp đồng bằng.
- C. Phát triển giao thông đường bộ.
- D. Hình thành nền văn hóa sông nước.

Câu 66. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC CÓ HẠT CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2018

Năm	Diện tích (Nghìn ha)		Sản lượng (Nghìn tấn)	
	Lúa	Ngô	Lúa	Ngô
2010	7489,4	1125,7	40005,6	4625,7
2018	7570,4	1039,0	43979,2	4905,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê 2019)

Theo bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tình hình sản xuất lương thực có hạt của nước ta năm 2010 và 2018?

- A. Diện tích lúa và ngô giảm mạnh.
- B. Sản lượng ngô tăng chậm hơn lúa.
- C. Năng suất ngô cao hơn năng suất lúa.
- D. Năm 2018 năng suất lúa đạt 53,4 tạ/ha.

Câu 67. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về đặc điểm của ngành viễn thông của nước ta hiện nay?

- A. Phục vụ cho các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước.
- B. Đón đầu các thành tựu kỹ thuật hiện đại.
- C. Mạng kỹ thuật số, tự động hóa, đa dịch vụ.
- D. Tốc độ phát triển nhanh vượt bậc.

Câu 68. Phát biểu nào sau đây đúng về vùng biển đặc quyền kinh tế của nước ta?

- A. Vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia trên biển, rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở.
- B. Vùng nước tiếp giáp với đất liền, được xem như bộ phận lãnh thổ trên đất liền.
- C. Phần ngầm dưới biển và lòng đất dưới đáy biển, có độ sâu khoảng 200m hoặc hơn nữa.
- D. Rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở, nhà nước có chủ quyền hoàn toàn về kinh tế.

Câu 69. Ngành du lịch nước ta phát triển nhanh từ đầu thập kỉ 90 của thế kỷ XX đến nay chủ yếu do

- A. nhu cầu du lịch tăng cao, đời sống cải thiện.
- B. hình thức du lịch đa dạng, hấp dẫn.
- C. tiềm năng phát triển ngành du lịch rất lớn.
- D. chính sách Đổi mới của Nhà nước.

Câu 70. Thế mạnh chủ yếu để xây dựng các nhà máy thủy điện ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ nước ta là

- A. lao động có chuyên môn kỹ thuật.
- B. nhu cầu tiêu dùng điện lớn.
- C. sông lớn chảy trên địa hình dốc.
- D. chế độ nước sông theo mùa.

Câu 71. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị nước ta còn cao **không** phải do

- A. nhiều ngành nghề đào tạo không phù hợp.
- B. thị trường lao động phát triển sâu rộng.
- C. số dân khu vực thành thị đông hơn nông thôn.
- D. lao động không nghề có tỷ trọng lớn.

Câu 72. Cho bảng số liệu:

**GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU GIÀY, DÉP VÀ HÀNG DỆT MAY CỦA NƯỚC TA
GIAI ĐOẠN 2010 - 2017**

(Đơn vị: Tỷ USD)

Năm	2010	2012	2014	2017
Giày dép	5,1	7,3	10,3	14,6
Hàng dệt may	11,2	14,4	20,1	31,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện giá trị xuất khẩu giày, dép và hàng dệt may của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Tròn.
- B. Miền.
- C. Cột.
- D. Đường.

Câu 73. Sản lượng khai thác hải sản ở nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây chủ yếu là do

- A. ngư dân có truyền thống, kinh nghiệm.
- B. tăng số lượng, công suất của tàu thuyền đánh bắt.
- C. mở rộng, tìm kiếm thị trường tiêu thụ.
- D. đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến.

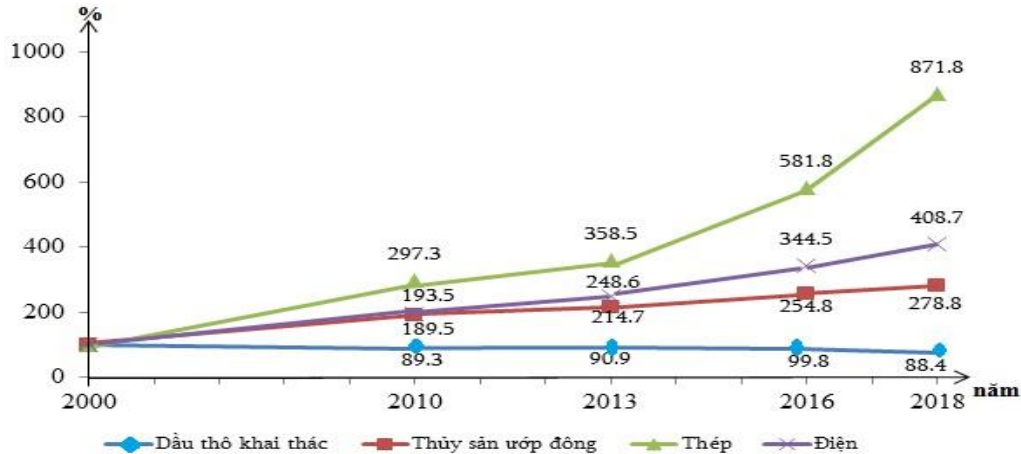
Câu 74. Quá trình đô thị hóa của nước ta diễn ra chậm nguyên nhân chủ yếu do

- A. quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm. B. nông nghiệp là ngành kinh tế chủ đạo.
C. công nghiệp, dịch vụ chưa phát triển. D. điểm xuất phát nền kinh tế thấp.

Câu 75. Dân số nước ta có xu hướng già hóa nhanh **không** phải do nguyên nhân nào sau đây?

- A. Tuổi thọ trung bình ngày càng cao.
B. Số người ngoài độ tuổi lao động ngày càng lớn.
C. Các dịch vụ chăm sóc sức khỏe được nâng cao.
D. Tỷ suất sinh và tỷ suất tử giảm nhanh.

Câu 76. Cho biểu đồ về sản lượng dầu thô khai thác, thủy sản ướp đông, thép và điện của nước ta giai đoạn 2008 - 2018



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam năm 2018, NXB Thống kê, 2019)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô sản lượng dầu thô khai thác, thủy sản ướp đông, thép và điện.
B. Tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu thô khai thác, thủy sản ướp đông, thép và điện.
C. Chuyển dịch cơ cấu sản lượng dầu thô khai thác, thủy sản ướp đông, thép và điện.
D. Cơ cấu sản lượng dầu thô khai thác, thủy sản ướp đông, thép và điện.

Câu 77. Việc chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta hiện nay đem lại ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?

- A. Thúc đẩy nhanh sự tăng trưởng kinh tế.
B. Tăng cường hội nhập vào nền kinh tế khu vực.
C. Khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên.
D. Sử dụng hợp lý nguồn lao động trong nước.

Câu 78. Thiên nhiên nước ta phân hóa theo chiều Bắc - Nam là sự kết hợp của các nhân tố chủ yếu nào sau đây?

- A. Hoạt động dòng biển, vị trí gần xích đạo, hướng địa hình.
B. Hình dạng lãnh thổ, độ cao địa hình, vị trí gần biển.
C. Vị trí nội chí tuyến, hoạt động gió mùa, độ cao địa hình.
D. Hình dạng lãnh thổ, hoạt động hoàn lưu khí quyển, hướng địa hình.

Câu 79. Vùng Bắc Trung Bộ của nước ta có gió phơn Tây Nam hoạt động mạnh nhất so với các vùng khác **không** phải do nguyên nhân nào sau đây?

- A. Vị trí nội chí tuyến, lượng bức xạ mặt trời lớn. B. Hoạt động của áp thấp vịnh Bắc Bộ khơi sâu.
C. Đồng bằng ven biển có bề mặt cát phổ biến. D. Hướng địa hình của dãy Trường Sơn Bắc.

Câu 80. So với diện tích cả nước, địa hình đồi núi thấp chiếm khoảng 60% diện tích lãnh thổ do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Địa hình được vận động tân kiến tạo làm trẻ lại.
B. Nằm trong vùng có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
C. Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người.
D. Quá trình kiến tạo lâu dài, chịu tác động của ngoại lực.

----- HẾT -----